



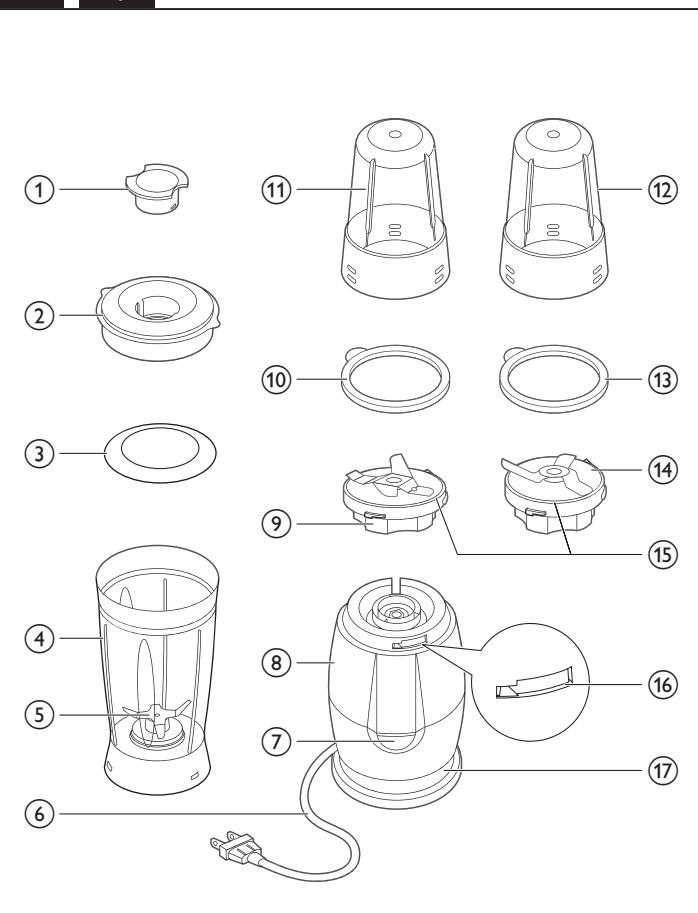
HR2860

EN User manual
IN Buku Petunjuk Pengguna
KO 사용 설명서
MS-MY Manual pengguna

TH คู่มือผู้ใช้
VI Hướng dẫn sử dụng
ZH-CN 用戶手册
ZH-HK 使用手冊

PHILIPS

1



English

- ① Stopper
- ② Lid of blender beaker
- ③ Rubber sealing ring for blender lid
- ④ Blender beaker
- ⑤ Integrated blade unit of blender
- ⑥ Mains cord
- ⑦ On/off button
- ⑧ Motor unit
- ⑨ Blade unit of wet mill
- ⑩ Lid of wet mill beaker
- ⑪ Wet mill beaker
- ⑫ Dry mill beaker
- ⑬ Lid of dry mill beaker
- ⑭ Blade unit of dry mill
- ⑮ Rubber ring
- ⑯ Built-in safety lock
- ⑰ Cord storage

한국어

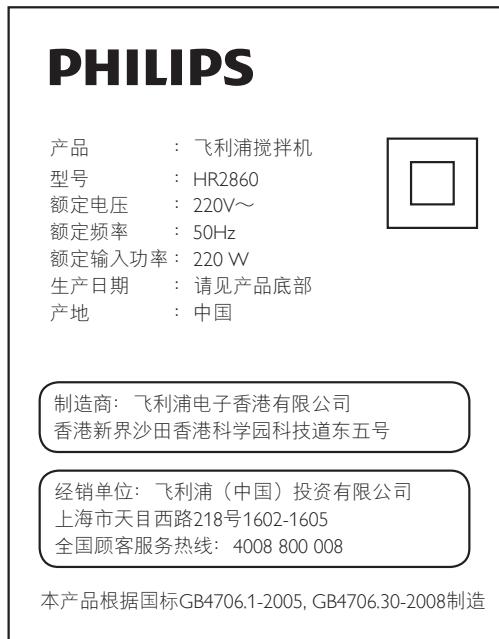
- ① 마개
- ② 블렌더 용기 뚜껑
- ③ 블렌더 뚜껑의 고무 봉합 링
- ④ 블렌더 용기
- ⑤ 내장된 블렌더 칼날부
- ⑥ 전원 코드
- ⑦ 전원 버튼
- ⑧ 본체
- ⑨ 젖은 재료용 분쇄기 칼날부
- ⑩ 젖은 재료용 분쇄기 용기 뚜껑
- ⑪ 젖은 재료용 분쇄기 용기
- ⑫ 마른 재료용 분쇄기 용기
- ⑬ 마른 재료용 분쇄기 뚜껑
- ⑭ 미끈 재료용 분쇄기 칼날부
- ⑮ 고무 링
- ⑯ 내장된 안전 잠금 장치
- ⑰ 코드 보관

ภาษาไทย

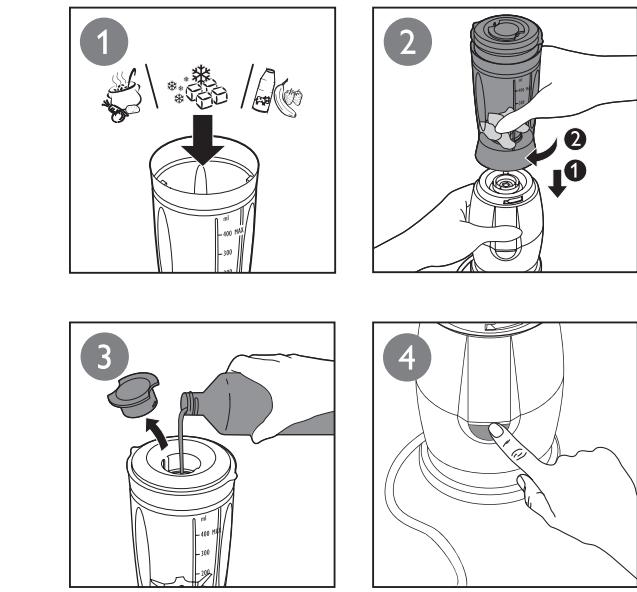
- ① จุกปิด
- ② ฝาปิดในฝา
- ③ หัวย่างน้ำร้อนชี้มีลักษณะแห้งเครื่องบัน
- ④ โถบัน
- ⑤ ชุดในเม็ดในลักษณะเครื่องบัน
- ⑥ สายไฟหลัก
- ⑦ บุ่มเปิดปิด
- ⑧ แท่นมอเตอร์
- ⑨ ชุดในเม็ดของโถบันเปียก
- ⑩ ฝาโถบันเปียก
- ⑪ ถ้วยน้ำเงินสีขาวบันบันน้ำ
- ⑫ ถ้วยน้ำเงินสีขาวบันแห้ง
- ⑬ ฝาโถบันแห้ง
- ⑭ ชุดในเม็ดของโถบันแห้ง
- ⑮ วงแหวนยาง
- ⑯ ระบบล็อกนิรภัยชี้มีลักษณะในเครื่อง
- ⑰ ที่เก็บสายไฟ

简体中文

- ① 塞子
- ② 搅拌杯盖
- ③ 搅拌杯盖的橡胶密封圈
- ④ 搅拌杯
- ⑤ 搅拌机的集成刀片组件
- ⑥ 电源线
- ⑦ 开/关按钮
- ⑧ 马达组件
- ⑨ 湿磨用刀片装置
- ⑩ 湿磨杯盖
- ⑪ 湿磨杯
- ⑫ 干磨杯
- ⑬ 干磨杯盖
- ⑭ 干磨用刀片装置
- ⑮ 橡胶圈
- ⑯ 内置安全锁
- ⑰ 电源线存储装置



2



Indonesia

- ① Tutup kecil
- ② Tutup gelas blender
- ③ Gelang karet penyegel untuk tutup blender
- ④ Gelas blender
- ⑤ Unit pisau terpadu untuk blender
- ⑥ Kabel konektor
- ⑦ Tombol on/off
- ⑧ Unit motor
- ⑨ Unit pisau untuk gilingan basah
- ⑩ Tutup gelas gilingan basah
- ⑪ Gelas penggiling basah
- ⑫ Gelas penggiling kering
- ⑬ Tutup gelas gilingan kering
- ⑭ Unit pisau untuk gilingan kering
- ⑮ Gelang karet
- ⑯ Kunci pengaman terpasang
- ⑰ Tempat penyimpanan kabel

Bahasa Melayu

- ① Penutup
- ② Tudung balang pengisar
- ③ Gelung kedap getah untuk tudung pengisar
- ④ Bikar pengisar
- ⑤ Unit pisau sepadu pengisar
- ⑥ Kord sesalur kuasa
- ⑦ Butang hidup/mati
- ⑧ Unit motor
- ⑨ Unit pisau pengisar basah
- ⑩ Tudung bikar pengisar basah
- ⑪ Bikar pengisar basah
- ⑫ Bikar pengisar kering
- ⑬ Tudung bikar pengisar kering
- ⑭ Unit pisau pengisar kering
- ⑮ Gelung getah
- ⑯ Kunci keselamatan binaan dalam
- ⑰ Penyimpanan kord

Tiếng Việt

- ① Nút dây
- ② Nắp cốc máy xay
- ③ Vòng đệm bằng cao su cho nắp máy xay
- ④ Cốc máy xay
- ⑤ Bộ lưỡi cắt tích hợp của máy xay
- ⑥ Dây nguồn
- ⑦ Nút bật/tắt
- ⑧ Bộ phận mô-tơ
- ⑨ Bộ lưỡi cắt của máy nghiền ướt
- ⑩ Nắp cốc nghiền ướt
- ⑪ Cốc nghiền ướt
- ⑫ Cốc nghiền khô
- ⑬ Nắp cốc nghiền khô
- ⑭ Bộ lưỡi cắt của máy nghiền khô
- ⑮ Vòng cao su
- ⑯ Thiết bị khoá an toàn bên trong máy
- ⑰ Bảo quản dây dẫn

繁體中文

- ① 塞
- ② 搅拌機量杯蓋
- ③ 搅拌機蓋橡膠密封圈
- ④ 搅拌機量杯
- ⑤ 搅拌機整合式刀組
- ⑥ 電源線
- ⑦ 開/關按鈕
- ⑧ 摩打裝置
- ⑨ 濕磨器刀組
- ⑩ 濕磨器量杯蓋
- ⑪ 濕磨器量杯
- ⑫ 乾磨器量杯
- ⑬ 乾磨器量杯蓋
- ⑭ 乾磨器刀組
- ⑮ 橡膠圈
- ⑯ 內置安全鎖
- ⑰ 電線儲藏格



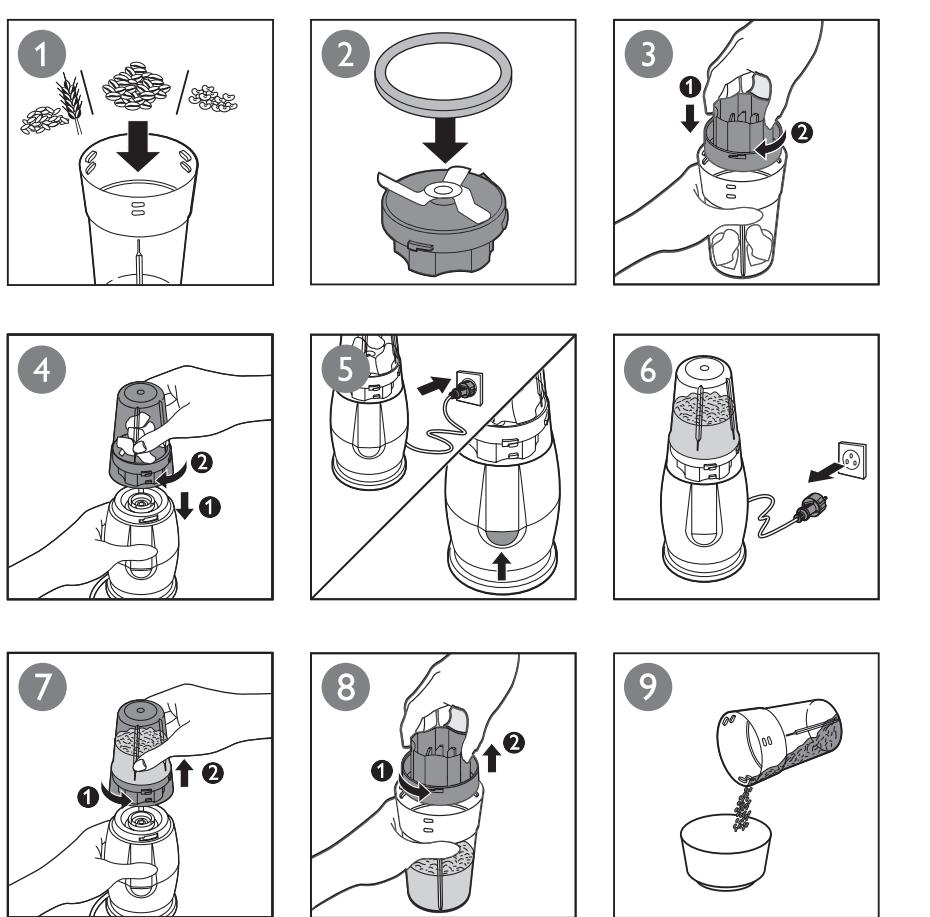
技术规格如有变更，恕不另行通知
© 2012 Koninklijke Philips Electronics N.V.
保留所有权利

HR2860_ROW UM_V1.0

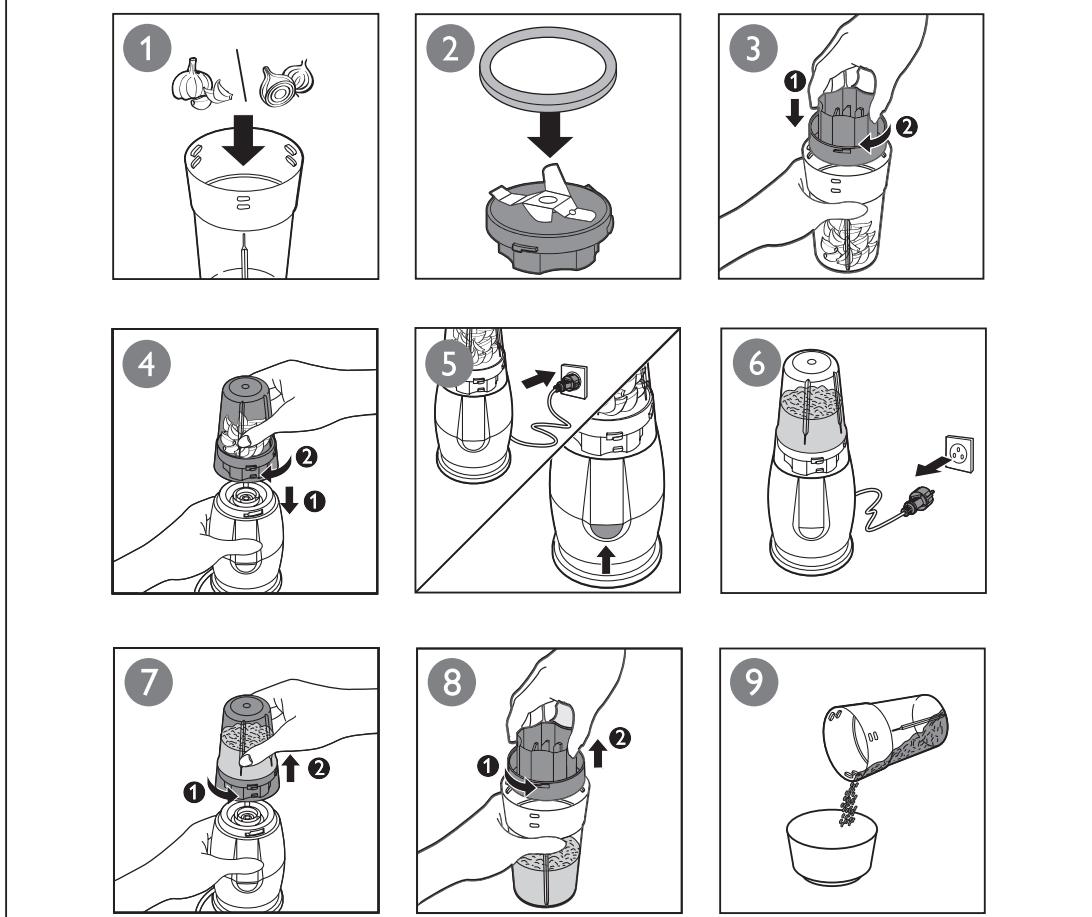


3140 035 32361

3



4



5

	✓	✓	✓
	✗	✗	✓

